

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B B
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15 / 2018/ DS-ST**

Ngày: **19 / 7 / 2018**

V/v: ***Tranh chấp hợp
đồng vay***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B B-TỈNH BÌNH THUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Minh

2. Bà Xích Thị Bích Nhi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Minh Thị Thu Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B tham gia phiên tòa :* Ông Trần Thông, Kiểm sát viên .

Ngày **19** tháng **7** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện B B, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 107/2017/TLST– DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về ***“Tranh chấp hợp đồng vay”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27 / 2018/ QĐXXST – DS ngày 29/ 6 / 2018 giữa các đương sự :

-*Nguyên đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 16, GH 3, thị trấn PRC, huyện TP, Bình Thuận.

-*Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn HT, thị trấn CL, huyện B B, Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :* Ông Kỳ Văn N, sinh năm 1966

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn HT, thị trấn CL, huyện B B, Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai của bà Phan Thị L trình bày: Vào ngày 07/9/2016 bà Phan Thị L và bà Phạm Thị T có thuyết lập một hợp đồng vay tiền với bà Phạm Thị T. Hợp đồng này đã được Công chứng tại văn phòng Công chứng thị trấn PRC, huyện TP chứng nhận.Theo nội dung của hợp đồng vay tiền này bà L cho bà T vay số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay 12 (mười hai) tháng kể từ ngày 07/9/2016 đến ngày 07/9/2017. Lãi suất vay bà L và bà T tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong thời hạn vay 12

tháng bà T sẽ thanh toán tiền lãi hàng tháng vào ngày 30 của tháng và thanh toán toàn bộ số tiền gốc vào ngày 07/9/2017. Nhưng đến ngày 10/9/2017 bà T không trả số tiền gốc và lãi.

Nay bà L yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị T và ông Kỳ Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 200.000.000đồng và lãi 12 tháng theo lãi suất qui định của pháp luật là 21.000.000đồng. Tổng cộng gốc và lãi 221.000.000đồng(hai trăm hai mươi một triệu đồng).

Bà L cho rằng việc bà T yêu cầu bà L đưa cho bà T 01 chiếc xe Vison đã thế chấp với số tiền 15.000.000đồng với thời hạn 30 ngày phải chuộc lấy xe ra, nhưng đến nay đã 200 ngày buộc chủ tiệm cầm đồ phải thanh lý tài sản và nữ trang cùng 21 chiếc do ông Kỳ Văn N (chồng bà T) có ký để trừ vào số tiền 105.000.000đồng do giao dịch làm ăn bà T có thiếu nợ riêng. Đối với số vàng bà T thế tại Tiệm vàng Hoàng Kim thị trấn CL, bà L chuộc ra 10.500.000đồng và thu giữ 01 loa thùng kéo kéo giá tiền 5.000.000đồng. Tổng số tiền mà bà L đã thu bà T vẫn chưa đủ với số nợ mà bà T đã nợ về một giao dịch khác mà việc này đã đến Công an huyện B B đang giải quyết không liên quan đến vụ kiện này.

Bị đơn bà Phạm Thị T và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho ông Kỳ Văn N trình bày: Bà T có vay 200.000.000đồng vào ngày 07/9/2016 của bà Phan Thị L làm hợp đồng vay tiền tại văn phòng Công chứng PRC, huyện TP. Hợp đồng vay là 12 tháng từ ngày 07/9/2016 đến 07/9/2017 là hết hợp đồng. Quá trình hòa giải bà T cho rằng số tiền này bà đem về cho những người khác vay lại mỗi tháng trả 10% ngày nhưng những người này sau khi vay tiền của bà T bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống. Bà L đã thuê người vào nhà lấy 01 xe mô tô trị giá 36.000.000đồng. Một bộ còng đeo tay 21 chiếc trị giá 25.000.000đồng. Tiền trong túi áo đang trên đường đi thu tiền về nhà 35.000.000đồng. Một loa thùng kéo kéo 5.000.000đồng. Bà L đến Tiệm vàng Hoàng Kim lấy tài sản của bà T thế chấp 15.000.000đồng, trị giá 116.000.000đồng. Sau khi sự việc xảy ra Công an huyện B B đang giải quyết hiện nay vẫn chưa có thông báo gì.

Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị T đồng ý vợ chồng cùng chịu trách nhiệm trả số tiền gốc 200.000.000đồng và trả lãi 21.000.000đồng, tổng cộng là 221.000.000đồng cho bà Phan Thị L.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B phát biểu ý kiến đối với vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại Điều 70,71,72,77,78 và Điều 234 BLTTDS năm 2015 đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án căn cứ vào các khoản 1 Điều 351, 357, 463, 466 BLDS năm 2015. Các Điều 27, 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét thấy việc “Tranh chấp hợp đồng vay” giữa bà L và bà T là có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Phạm Thị T, ông Kỳ Văn N phải có

trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi là 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) cho bà Phan Thị L là đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, xét ý kiến của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của bà Phan Thị L yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Kỳ Văn N trả số tiền 200.000.000đồng và tiền lãi 21.000.000đồng. Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay” quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự. Bà Phạm Thị T là bị đơn và ông Kỳ Văn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có địa chỉ trú tại thôn HT, thị trấn CL, huyện B B, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 200.000.000đồng và tiền lãi 21.000.000đồng. Song tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có vay 200.000.000đồng của nguyên đơn làm hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng PRC, huyện TP, đồng ý vợ chồng cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn Phan Thị L số tiền 221.000.000đồng gốc và lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình lấy lời khai, hoà giải, bà Phạm Thị T thừa nhận có nợ 200.000.000đồng của bà Phan Thị L làm hợp đồng vay tiền tại văn phòng Công chứng PRC, huyện TP. Hợp đồng vay là 12 tháng từ ngày 07/9/2016 đến 07/9/2017 là hết hợp đồng. Việc giao dịch này, ông N đều biết việc vay mượn của bà. Như vậy căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới cùng nhau trả nợ đối với giao dịch do một bên thực hiện. Vì vậy ông Kỳ Văn N phải có trách nhiệm cùng nhau trả số tiền nợ gốc và lãi là 221.000.000đồng, bà T vay tiền về để cho vay lại chi tiêu trong gia đình. Hơn nữa, bà L đều yêu cầu vợ chồng bà Phạm Thị T và ông Kỳ Văn N phải có trách nhiệm cùng nhau trả số tiền 221.000.000đồng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở phù hợp với pháp luật, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên chấp nhận.

Đối với việc nại ra của bị đơn bị siết nợ hiện nay cơ quan Công an Huyện B B đang giải quyết, do đó việc siết nợ không thể giải quyết trong hợp đồng vay nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 27, 30 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc buộc bà Phạm Thị T và ông Kỳ Văn N phải trả cho bà L số tiền **221.000.000đồng**.

- Bà Phạm Thị T và ông Kỳ Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị L số tiền gốc và lãi 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng).

Về án phí: - Bà Phạm Thị T và ông Kỳ Văn N phải nộp 5.525.000đồng án phí DSST. (Đã xét giảm 50%, do có đơn xin giảm tiền án phí được UBND TT CL xác nhận có hoàn cảnh kinh tế khó khăn).

- Hoàn trả cho bà Phan Thị L số tiền 5.600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015523 ngày 24/11/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Huyện B B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND huyện B.B;

-THADS huyện B.B;

- Các đương sự;

-Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ PHƯỢNG

